

Mùa Thu Cuộc Tình

Tiểu Tử



Ừa ăn trưa đó của ông Năm thật giản dị: một trái cà tô mát không dầu không dấm và một miếng thịt bò nhỏ bằng bàn tay nướng trên vỉ sắt không muối không bơ.

Arts et Métiers le vieux quartier chinois quá giản dị! Nhứt là hôm nay thứ bảy, không phải đi làm. Nghĩa là có dư dả thì giờ để làm một món gì đó cho có vẻ một bữa ăn cuối tuần. Cho nó khác với ngày thường ăn vội vàng cái gì cũng được. Thật quá giản dị! Nhứt là ông Năm sống một mình, không bị phiền toái bởi những chuyện vụn vặt lĩnh lĩnh phải làm vào cuối tuần của người có gia đình. Ở Paris này mà sống một mình như ông Năm thì thời gian không biết phải làm gì cho hết chớ đừng nói không có thì giờ để làm một bữa ăn cho thơm tất vào trưa thứ bảy. Nói rằng ông Năm không biết làm bếp cũng không đúng. Hồi xưa, hồi còn ở bên nhà, thật tình ông Năm không biết chiên một cái trứng gà. Ông chỉ biết đi làm ngày hai buổi, còn việc bếp núc có bà Năm lo hết. Bây giờ thì khác. Ông cũng biết nấu vài món thông thường và lâu lâu cũng biết “làm” một nồi phở để đãi đôi ba ông bạn già cùng lứa tuổi và cùng thân phận lưu vong...

Như bình thường thì trưa thứ bảy, ông hay thả xuống khu 13 la-cà ở nhà sách Khai Trí một lúc rồi sang qua mấy cửa hàng nhỏ nhỏ trên lầu Paris Stores để coi có gì lạ không. Sau đó, ông mới tấp vô tiệm phở để ăn trưa, có khi một mình, nhưng thường thì với một vài người bạn gặp nhau ngoài phố. Ở khu 13 vào trưa thứ bảy, không gặp người này cũng gặp người nọ, bởi vì ai cũng đến đó để mua đồ, nói là “đi chợ Tàu” chớ thật ra là để tìm lại một chút gì hơi hướm của quê hương: những khuôn mặt gần gũi (gặp ai cũng thấy quen quen!), những món hàng còn giữ nguyên nét cũ (đòn chả lụa vẫn phải có màu xanh của lá, con vịt quay vẫn phải đỏ ao màu mật...) và những cái tên chỉ cần đọc lên là đủ để gợi nhớ... Hồi sáng này, ông Năm cũng đã đóng bộ để đi khu 13. Trời đã sang thu, nhưng nắng còn thật ấm. Cây marronnier nhà hàng xóm nằm ngay dưới cửa sổ nhà ông Năm đã trở màu vàng. “Chắc lá đã rụng đầy”, ông Năm nghĩ vậy khi đứng thất cravate gần khung cửa sổ.

Chỗ ông cư ngụ là một studio nhỏ ở lầu ba khu nhà cũ nằm sâu phía sau nhà thờ Sacré Coeur. Cây marronnier che hết phía dưới thành ra từ cửa sổ nhà ông Năm nhìn thẳng ra chỉ thấy bức tường cao của khu nhà đối diện chắn ngang, chừa phía trên bầu trời bị đóng khung hình chữ nhật bởi hai dãy nhà dài. Trên nền trời đó, tuốt phía xa, là nóc nhà thờ với cây thánh giá. Thành ra, thế giới bên ngoài nhìn từ phòng ông Năm chỉ còn lại vồn vện có cây thánh giá để cái nhìn còn có một điểm tựa! Ông Năm theo đạo Phật, nhưng từ ngày dọn về đây – năm sáu năm gì rồi – cứ nhìn cây thánh giá riết mà ông có cảm tưởng như mình đã thành con chiên của Chúa! Nhiều khi ông thấy cây thánh giá thật là sinh động. Ông không hay rằng niềm suy tư của ông đã gợi trên đó từ lâu... Có lần, trong thư gửi về Việt Nam cho bà Năm, ông viết: “Anh thường nhìn cây thánh giá đứng cao vọi vọi một mình trên kia mà tự hỏi không biết anh và cây thánh giá, ai cô đơn hơn ai? Nhưng cây thánh giá hãy còn giang tay ngạo nghễ chớ anh thì từ lâu rồi anh đã buông tay đầu hàng số mệnh! Tuy nhiên, ở đây anh còn có cây thánh giá trước mắt để hướng về đó mà cầu nguyện, chớ ở bên nhà giờ đây muốn cầu nguyện em phải hướng về đâu hả em? Anh bỗng ứa nước mắt thương em vô cùng... Ở ngay trong lòng quê hương mà thiếu thốn đủ thứ, đến nỗi điểm tựa cho niềm tin mà còn không có thì em sống ra sao, em hả?” Đối với ông Năm, cây thánh giá trên chót nhà thờ Sacré Coeur mặc nhiên đã trở thành một vật gì thật gần gũi, thật trần gian, thật người, và là động cơ khơi nguồn kỷ niệm...

Hồi xưa, ông làm việc cho Air France ở Sài Gòn. Đời sống rất thoải mái, nhưng hai vợ chồng lại không có con. Chạy thầy chạy thuốc mãi rồi mới biết tại vì tử cung của bà Năm nằm lệch. Điều này làm bà Năm khóc hết nước mắt. Tuy nhiên, hồi đó còn trẻ nên cũng dễ nguôi, hai vợ chồng chẳng quan tâm cho lắm. Lần hồi, tuổi đời chồng chất, sự không có con đã trở thành một vấn đề cho hai vợ chồng. Mặc dù ông Năm không bao giờ nhắc đến chuyện đó, bà Năm vẫn khơi ra để nhận lỗi về mình. Mặc cảm đó làm cho bà lúc nào cũng ân hận, áy náy. Rồi cái gì hư, cái gì trật, cái gì bậy ở trong nhà dù là do lỗi những người giúp việc, bà cũng nhận hết. Ông Năm phải mất một thời gian dài để giải thích, khuyên lơn, an ủi, bà Năm mới lấy lại được quân bình. Có hôm, trong lúc hai vợ chồng đi dạo trên bãi biển Vũng Tàu, nhìn thấy mấy gia đình đông con đùa giỡn vui vẻ, bà Năm chợt thở dài than:

- Nếu không phải tại em thì bây giờ hai đứa mình đâu có bơ vơ như vậy!

Ông Năm choàng tay ôm vai vợ xoay người lại để nhìn sâu vào mắt:

- Em à! Mình không có con, nhưng mình còn có nhau. Đó là Trời thương lắm rồi, em còn đòi hỏi gì nữa? Thử tưởng tượng một ngày nào đó không còn có nhau nữa thì sao?

Bà Năm gật gật đầu nhưng chẳng bao giờ tưởng tượng đến “cái ngày không còn có nhau” đó. Vậy mà cái ngày đó đã đến cho ông bà Năm.

Hai năm sau ngày 30/4, trong chuyến vượt biên ở Cà Mau, ông Năm đi thoát, bà Năm bị bắt lại với một số người không may khác! Ông Năm sang Pháp, làm việc lại cho hãng Air France. Bà Năm nằm tù hết mấy tháng. Được thả ra thì nhà cửa đã bị tịch thu, đành về quê ở Gò Công làm công nhân cho nhà máy xay lúa của gia đình mà đã biến thành hợp tác xã. Từ đó, là những chuỗi dài thương nhớ, là những lo âu dằn vặt, là những lá thư nhiều ẩn nghĩa cho đúng “văn phạm Nhà Nước”. Còn chuyện vượt biên lần nữa là chuyện mà bà Năm không bao giờ dám nghĩ đến! Bên này, ông Năm chạy mãi rồi cũng được giấy nhập cảnh cho bà gởi về, nhưng phía bà Năm thì gặp quá nhiều khó khăn trong hồ sơ xin xuất cảnh, cứ bị kéo dài, kéo dài bằng những chầu chực, bằng những lời hứa hẹn suông và bằng mấy lần bị lường gạt... Để cuối cùng, mấy năm sau, mới biết là hồ sơ đã bị bác từ lâu! Tin đó đến với ông Năm bằng tờ giấy tập học trò vàng như giấy sục mà trên đó bà Năm chỉ còn đủ sức viết có mấy hàng... Vậy là vĩnh viễn không còn có nhau nữa! Ông Năm mất tinh thần hết một thời gian dài. Sau đó, dọn về khu phố này tình cờ cửa sổ mở về hướng nhà thờ Sacré Coeur, để mỗi sáng trước khi đi làm ông nhìn cây thánh giá một lúc, giống như một tín đồ ngoan đạo...

Khi ông Năm mặc xong quần áo thì trời cũng đã gần trưa. Đốt điếu thuốc để lên môi, ông đóng cửa bước chậm rãi xuống cầu thang, giống như đo từng nấc thang một! Thật ra, tại tánh ông Năm vốn đã trầm thêm tuổi đã gần sáu mươi bắt ông phải cẩn thận khi bước lên bước xuống. Ngoài ra, có gì phải vội phải gấp khi mà chẳng có ai đợi ai chờ? Đi khu 13 vào trưa thứ bảy đã thành một thói quen, chẳng có gì phải náo nức. Bỗng nhiên, ông Năm nhận thấy cuộc đời mình sao thật vô vị. Giống như tờ giấy trắng mênh mông trải dài, thẳng băng, chẳng có một dòng mực, chẳng có một đốm màu, cũng chẳng có một vết hoen ố. Hình ảnh đó làm cho ông Năm dừng lại ở giữa cầu thang, ngẩn ngơ một lúc như vừa khám phá ra một điều gì quá rõ rệt nằm ngay trước mắt mà sao lâu nay ông không nhận thấy! “Mình đi làm đều đặn. Mỗi tuần xuống khu 13 cũng đều đặn vào trưa thứ bảy. Mỗi tối thứ hai đi ciné một lần vì giá vé hạ. Đêm nào cũng coi télé vào 8 giờ tối để theo dõi tin tức, rồi đọc sách đọc báo đến 11 giờ rưỡi là tắt đèn ngủ. Đều đặn. Đều đặn. Đến như cái cầu thang này, mình cũng đều đặn trèo xuống trèo lên đến nỗi biết nó có bốn mươi tám nấc! Vậy rồi thôi! Rồi cứ như vậy cho tới về hưu, tới chết!” Ông Năm hít hơi thuốc thật sâu để thở khỏi ra thật dài. Ông làm mấy lần như vậy, giống như đang tìm một đáp số! Rồi ông vỗ nhẹ bàn tay lên thành lan can gỗ, tự nhủ “Thôi! Đừng nghĩ tới nữa”. Ông tiếp tục bước xuống, nhưng bây giờ sao thấy bước chân nặng hơn hồi nãy nhiều... Khi đi qua trước phòng gác gian, có tiếng gọi:

- Ông Georges! Ông Georges!

Georges cũng là tên của ông Năm. Người Pháp phát âm Năm thành Nam, nghe lơ lớ chói lổ tai, nên ông lấy đại tên Georges cho dễ gọi dễ kêu. Bà gác gian bước ra trao cho ông một điện tín, nói:

- Vừa mới tới. Tôi định lên nhà đưa cho ông thì ông xuống đây.

Ông Năm run tay mở bức điện tín. Giòng chữ ngắn ngủn hiện lên nhảy múa: “Đã có xuất cảnh. Lo vé máy bay cho em. Mai”. Điếu thuốc trên môi bỗng rơi xuống đất. Ông Năm có cảm giác như mình đang lên cơn sốt. Ông đọc lại điện tín một lần nữa, hai tay phải gồng cứng lại mới kèm được tờ giấy đứng yên căng thẳng dưới mắt. Ông nói cho mình nghe: “Đúng rồi! Bà được xuất cảnh rồi!” Bà gác-dang nghiêng đầu lo lắng:

- Có sao không? Có chuyện gì không? Ông Georges?

Tiếng bà ta lôi ông Năm về thực tại. Ông nhìn bà ta, mỉm cười, rồi nắm lấy tay bà ta lắc mạnh:

- Cám ơn bà! Cám ơn bà nhiều! Tôi thật không biết nói gì cho phải. Bà thật tốt bụng! Quá tốt bụng! Cám ơn! Cám ơn!

Giọng ông thật thành khẩn, làm như chính bà đã cho giấy xuất cảnh! Bà ta không hiểu gì cả, vừa ngạc nhiên vừa buồn cười trước thái độ của ông Năm. Bà ấp úng trong lúc ông Năm buông bà ra để chạy lên cầu thang:

- Nhưng mà... Nhưng mà...”

Nửa chừng, sức nhớ ra, ông dừng lại nghiêng người nói với xuống:

- Điện tín của vợ tôi ở Việt Nam. Bà nói bà sẽ qua đây ở với tôi! Cám ơn! Cám ơn nhiều!

Rồi ông phóng lên cầu thang, nhảy hai bậc một, nhanh như sóc, nhẹ như hươu. Làm như ông mới có hai mươi tuổi!

Vào phòng, ông ngã người lên giường, thở hổn hển. Cái tuổi hai mươi bắt thần tìm lại chỉ đủ giúp ông trèo hết bốn mươi tám nấc thang thôi! Một lúc sau, ông cầm điện tín lên, đọc lại một lần nữa. Thật rõ ràng mà! Đây nè, hàng chữ không bỏ dấu “Da co xuất cảnh. Lo vé máy bay cho em. Mai”. Đọc là hiểu ngay! Còn Mai là tên của bà rồi, chứ

còn ai vô đây nữa! Cái tên dễ thương mà mình đã thương từ mấy chục năm, không còn lộn với ai được. Vậy là chỉ còn có vé máy bay nữa là xong. Ông nhòm người lên nhìn tấm lịch tháng treo gần đó để thấy rằng mình bỗng quên mất hôm nay là thứ bảy! Vậy phải đợi thứ hai mới vào sở lo vụ này được. Ông lại nằm xuống. Dễ thôi! Nhờ thằng Durand đánh cái télex là xong ngay. Ờ... nhưng mình cũng phải gọi cái điện tín về cho bà mừng. Tội nghiệp! Không biết ai chạy lo cho bà cái xuất cảnh, chứ bà thì lo khi gì được với cái tánh hiền khô và nhát hít của bà. Nghĩ đến đó, ông Năm bỗng thấy thương vợ vô cùng. Cái người đàn bà hiền khô và nhát hít đó đã về làm vợ ông từ hơn ba mươi năm, trước sau như một, theo chồng như một cái bóng. Ngoài chuyện không có con, chẳng thấy bao giờ bà làm bận tâm ông. Con nhà giàu ở Gò Công, học ở Marie Curie, vậy mà cô gái có cái tên Trần thị Lệ Mai đó đã có một quan niệm sống thật cổ điển, thật Á đông. Và khi trở thành bà Trần văn Năm, luôn luôn bà đối xử với bên chồng thật vuông tròn và xem việc nội trợ như một thiên chức! Hồi xưa, bạn bè vẫn nói là “thằng Năm trúng số độc đắc” hoặc “để bọc điều mới có người vợ như vậy”. Ông thì nghĩ rằng tại vợ mình hiền khô và nhát hít nên chẳng dám làm phiền ai bao giờ. Có lẽ nhờ vậy mà ai cũng thương... Ông lại nhòm dậy nhìn tấm lịch. Trên đó ông có ghi bằng marker đỏ con số 10 to bằng nửa bàn tay ở góc trái. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau! Mỗi năm mua lịch, mình ngồi nắn nót viết con số lên đó giống như người tù bị lưu đày ghi số năm mà mình biệt xứ. Có khác là người tù còn biết ngày được thả chớ còn mình thì mù tịt. Đã tưởng vĩnh viễn sống một mình rồi... chết cũng một mình trên đất lưu vong này, nào ngờ Trời còn thương mình nhiều quá!

Ông ngồi hẳn dậy đốt điếu thuốc, khói thuốc thật thơm thật ngọt. Vậy mà cũng đã mười năm xa nhau! Mười năm... lâu lắm chớ! Vậy mà sao vẫn thấy còn thương còn nhớ. Lạ quá! Có phải như vậy người ta gọi là chung thủy hay không! Rồi ông nhìn quanh. Nhà cửa thiệt là lượm lượm, phải dọn dẹp lại coi cho nó được một chút. Vậy là ông đứng lên đẩy ghế, đẩy bàn, quên mất là mình còn mặc bộ đồ lớn để đi khu 13 và làm như bà Năm sắp qua tới bây giờ! Vừa làm vừa nói một mình, lâu lâu ông ngừng lại hít một hơi thuốc thật sảng khoái. Hai cái fauteuils này cho sát vào tường, kê gần nhau để cùng ngồi coi télé. Cái télé nằm đó được rồi. Cái bàn ăn nhích qua một chút để có chỗ kéo cái nệm dưới gầm giường ra. Bà trên giường, mình dưới đất, tạm ổn trong khi chờ đợi kiếm nhà khác rộng hơn. Cái tủ búp phê đẩy tới một chút là nằm ngang với bàn ăn. Mẹ nó! Coi vậy mà cũng nặng ớn! Ông đứng lên thở hắt hắt, nhìn quanh. Bây giờ coi có nét rồi đó. À! Cái màn cửa sổ, phải tháo xuống đem giặt, cho nó “sáng” ra mới được. Rồi ông vào buồng tắm thay đồ. Đồ đạc ở đây thì sạch sẽ rồi, khỏi lo. À! Còn cái tủ quần áo ở bên phòng ngoài nữa. Phải thu gọn lại cho có chỗ để bà để quần áo chớ! Ông bỗng phì cười. Làm như mình sắp cưới vợ vậy! Mà thiệt! Sau mười năm xa cách, gặp lại nhau cũng giống như cưới nhau lần nữa chớ gì! Ông soi gương chải lại tóc. Tóc mình mới có mấy sợi bạc thôi. Mặt mũi hãy còn “nét” lắm, ai mà nói mình sắp sáu mươi? Cô dâu qua đây thấy chú rể như vậy là nhìn... rớt con mắt! Ông Năm bỗng nghe lòng vui rộn rã, giống như tâm trạng ngày xưa, thuở còn trẻ, lúc sửa soạn đi đến nơi hẹn với người con gái tên Trần thị Lệ Mai...

Vậy là trưa thứ bảy này ông Năm không thấy đói! Tuy vậy, cũng phải “bổ bụng” một cái gì, vì thói quen hơn là vì nhu cầu. Ông mở tủ lạnh lấy một trái cà tô mát và một miếng thịt bò. Cà xắt khoanh, không dầu không dấm, thịt nướng trần trên vỉ sắt không muối không bơ. Làm cho “lấy có” và ăn cũng cho “lấy có”. Bởi vì tâm hồn ông đang mãi phiêu bồng ở đâu đâu xa lắm, hình như là ở Gò Công quê vợ, ở Gia Định quê mình, ở những ngày đầu “hai đứa gặp nhau” (những ngày đó, tiếng nói của tình yêu là một chuỗi dài im lặng!), ở rạp hát bóng Đại Nam là nơi “hai đứa hẹn hò” (Dù trời mưa anh cũng tới. Em nghe không?), ở Đà Lạt ít lâu sau đó...

Chao ôi! Đẹp quá! Dễ thương quá! Tình yêu là cái gì mà sao mãi mãi vẫn còn nguyên, như mới hôm qua hôm kia...

o

Ông Năm lái xe lên phi trường Charles de Gaulle lần này là lần thứ hai. Hồi sáng, đã lên đó một lần, đợi cả tiếng đồng hồ để được thông báo là chuyến bay Air France từ Thái Lan qua sẽ đến trễ gần tám tiếng. Nhờ là nhân viên của hãng nên ông Năm được biết là máy bay bị trục trặc kỹ thuật ở Karachi. Trở về sở làm, ông ngồi đứng không yên, lâu lâu cứ nhìn đồng hồ. Bạn bè trong sở thấy vậy thương hại, mỗi người một câu an ủi trấn an. Có người ngồi lại gọi chuyện tán dóc cho ông đỡ thấy sốt ruột. Có người đặt tay lên vai ông bóp mạnh:

- Georges! Đợi chờ nhau mười năm mà mày còn chịu nổi huống gì chỉ có mấy tiếng đồng hồ nữa thôi. Can đảm lên chớ!

Vậy rồi thời gian cũng qua, chiều cũng xuống, để ông Năm lái xe đi phi trường, lòng náo nức xôn xao trong sự đợi chờ kỳ diệu. Vào phi trường, ông gắn thẻ nhân viên lên ngực áo rồi đến quầy Air France hỏi thăm. Mô phật! Lần này máy bay sẽ đến đúng giờ... Hai cô tiếp viên trong quầy không quen ông Năm nhưng thấy đeo thẻ Air France, nên cũng hỏi đẩy đưa:

- Ông chờ đón bạn à?

Ông mỉm cười, vừa bước đi vừa trả lời:

- Không! Tôi đón nhà tôi. Chào hai cô.

Phi trường giờ này nhiều chuyến bay cùng đến một lúc nên người đi kẻ lại tấp nập. Ông Năm ngồi uống cà phê, hút thuốc, nhìn thiên hạ. Ông thấy ai cũng dễ thương hết! Ông muốn họ uống với ông một tách cà phê, hút với ông một điếu thuốc lá. Cà phê espresso thật ngon. Khói thuốc Dunhill thật ngọt. Tâm hồn ông Năm được trải rộng mênh mông...

Lại nghĩ đến bà Năm. Bả “điệu” lắm! Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Tóc lúc nào cũng chải gọn về phía sau rồi cuốn thành một vòng kẹp lại phía trên ót, thành ra khuôn mặt trái soan và cái cổ tròn lúc nào nhìn cũng rõ nét. Còn về quần áo thì bả chẳng bao giờ mặc loại có màu sắc sặc sỡ loè loẹt, luôn luôn hoặc đen hoặc xanh đậm và nếu có bông thì cũng phải tiếp màu với nền vải và hình dáng phải nhã nhặn, nho nhỏ tương xứng với tầm vóc của bả. Hà! Bả hiền khô và nhát hít vậy mà về vấn đề ăn mặc bả khó đàng trời! Người ta nói bả có “gout”. Mình cũng nghĩ như vậy, nhưng nếu bả không có thân hình đều đặn cân đối thì không biết cái “gout” để vào đâu cho nó nổi! Ông hít một hơi thuốc dài sảng khoái. Hời đó sao mà mình mê bả quá, nhứt là đôi bàn tay có ngón thon dài sang trọng và cặp mắt đen to như mắt đầm làm cho cái nhìn của bả lúc nào cũng có vẻ như ngạc nhiên. Điều lạ là sau này khi đã đứng tuổi, bả vẫn còn giữ nguyên đường nét thời con gái. Thành ra lắm khi nhìn bả, mình muốn trêu chọc bằng câu “Gái không con mà nom cũng mồn con mắt”, nhưng vì sợ bả buồn nên mình nín thinh luôn!

Ông Năm ngừng suy tư trên hình ảnh đẹp của bà vợ, mỉm cười vu vơ. Lại hút thuốc, lại nhìn thiên hạ. Hớp cà phê cuối cùng đã nguội ngắt mà sao vẫn còn thấy ngon lạ lùng. Bỗng ông bật cười. Sau bảy mươi lăm, sống với Việt Cộng mà bả vẫn tiếp tục “điệu” như thường! Trong lúc người ta lôi quần áo cũ rách ra bận và để mặt mũi tóc tai lôi thôi lếch thếch cho có “tác phong cách mạng” thì bả vẫn gọn ghẽ sạch sẽ như thường, vẫn chút đỉnh má hồng, chút đỉnh son, vẫn quần dài áo ngắn thơm tất, mặc dù phải đạp xe đi làm công nhân ở tổ may thêu xa bảy tám cây số. Mình hay trêu chọc bả bằng câu nói của Việt Cộng “Song chân lý ấy vẫn không bao giờ thay đổi”, bả cười không nói. Vậy mà có hôm, bả trả lời bằng một câu... xanh dờn: “Đàn bà phải biết tự trọng. Làm như mấy bà cách mạng tóc tai xu xộp, quần áo xốc xếch rộng rinh hoặc ngắn ngắn như mặt đồ khỉ, em làm không được”...

Có tiếng nhạc chuông diu dặt, tiếp theo là giọng bỗng trầm của cô tiếp viên thông báo chuyến bay Air France số AF 199 đến từ Thái Lan đã đáp xuống sân bay. Ông Năm đứng lên trả tiền, xong đi vào phía trong qua ngã văn phòng trực của hãng. Ông nghe lòng vừa náo nức vừa hồi hộp giống như ngày xưa khi đứng chờ xem kết quả thi tú tài! Ông ra đón tận cổng vào. Có hai chuyến bay đến từ hai nơi khác nhau nhưng đổ hành khách xuống cùng một lúc, nên sân bay đầy người. Giữa cái lao xao lộn xộn đó, ông Năm nghe nhò nhò tìm vợ trong luồng người thoát ra từ cổng F, cổng của chuyến bay Air France. Ông nhìn từng khuôn mặt, từng người. Ông nhìn, ông chớp mắt để nhìn cho rõ hơn. Những gương mặt Á đông phờ phạc. Những gương mặt Á đông hốc hác. Những gương mặt Á đông xanh xao. Ông nhìn, ông chồm tới, nhích tới để nhìn. Bả dễ nhìn lắm. Lúc nào cũng sạch sẽ gọn ghẽ. Lúc nào cũng điệu. Trong đám đông, bả nổi hơn người ta nhờ nước da trắng hồng của gương mặt trái soan và đôi mắt lớn, cho nên dễ nhận ra lắm. Không phải bà này. Bà này già quá cũng không phải. Bà này coi ngờ ngờ nhưng đi chung với bầy con nít, không phải bả. Ông nhón chân lên để cái nhìn được đưa ra xa thì tai thoáng nghe hình như có tiếng người gọi nhỏ: “Ông Năm!” Ông vẫn tiếp tục nhìn từng người, từng khuôn mặt. Lại có tiếng người gọi nhỏ, lần này tiếng gọi lạc đi:

- Ông Năm...

Nghe rõ có tiếng ai gọi mình, ông nhìn lại. Ngay phía trước, đứng cách ông chỉ mấy bước, người gọi ông là một bà già tóc muối tiêu hớt bom bê ngắn như mấy bà Tàu Chợ Lớn, mặc áo len nâu rộng thùng thình, ống tay dài phủ mất hai bàn tay đang xách mỗi bên một túi vải. Chỉ mới nhìn tới đó thôi, linh tánh bắt ông nhìn lại gương mặt: khuôn mặt gầy xạm nắng với những nếp nhăn trắng trắng ở khoé môi và đuôi mắt. Ngàn đó thứ giống như miếng cau khô, chỉ trừ có hai con mắt là sinh động, là mở to như có vẻ ngạc nhiên, là nói lên, là nhắc nhở, là... là... Trời ơi! Là vợ tôi đây mà! Ông Năm ghen ngào bước tới, hai tay đưa về phía bà già và chỉ còn đủ sức gọi có một tiếng: “Mai!” Ông ôm lấy vợ mắt nhắm nghiền đau đớn. Tội nghiệp! Người vợ chỉ dám gọi chồng bằng hai tiếng “Ông Năm!” như người xa lạ, và chỉ dám gọi có hai lần. Và khi chồng nhìn ra mình, ông chăm lấy mình, người vợ đó chỉ còn nói được bằng nước mắt!

Ông Năm buông vợ ra để nhìn lại lần nữa. Ông nghe ghen lời và ghen cả lòng. Ông chỉ còn nói được bằng hai bàn tay... Hai bàn tay vuốt làn tóc bạc bây giờ sao quá thẳng quá ngắn. Hai bàn tay ôm lấy khuôn mặt bây giờ sao không lấp đầy hai lòng bàn tay. Hai bàn tay đặt xuống bờ vai bóp nhẹ. Dưới lớp áo len, ông cảm rõ nét gầy của bờ vai bây giờ. Bây giờ... Hời đó... Từ trong sâu thẳm của lòng ông, nỗi đau khổ tột cùng bỗng bật lên thành tiếng, một thứ tiếng nói lạch lạch méo mó vì uất nghẹn: “Sao vậy nè?” Rồi, không kềm chế nổi nữa, không cần giữ gìn ý tứ gì nữa, trong cái rừng người xào xạc đó, ông ôm lấy vợ, ngửa mặt lên trời hét lên một cách thống thiết: “Sao vậy nè... Trời?” Tiếng “Trời” nặng trĩu thoát ra từ lồng ngực ông như tất cả sinh lực trong người được trút ra hết... Rồi ông ôm lấy vợ, nước mắt ràn rụa. Bà Năm cũng khóc nhưng vẫn không buông rời hai cái túi vải.

Một lúc lâu sau, phải một lúc lâu sau, ông Năm mới lấy lại bình tĩnh. Ông nói:

- Thôi mình về đi em!

Tiếng “em” thật tự nhiên, thật nhẹ nhàng. Tiếng “em” mà đã mười năm, bà không còn nghe thấy! Bà cắn môi để kiềm xúc động, nhìn chồng mà đuôi mắt nheo lại mỉm cười. Bà nghe một cái gì mát rượi đang len vào lòng, một cái gì đã làm rơi mất từ hơn mười năm, bây giờ mới tìm gặp lại. Mỗi đến bây giờ, ông Năm mới thấy trong đôi mắt vợ, nét cũ ngày xưa: to tròn như mắt đằm, tròn đen lay láy. Đôi mắt đó đang nhìn ông, cái nhìn ngời lên như muốn nói thật nhiều... Ông cúi xuống định xách hai túi vải. Bà Năm lắc đầu:

- Để em xách!

Tiếng “em” cũng thật tự nhiên thật nhẹ nhàng. Giọng nói thật dịu dàng, trong trẻo. Làm như nước mắt đã tẩy sạch dấu vết của mười năm... Ông vói tay cầm lấy quai túi:

- Để anh xách cho.

Bà Năm vừa bước đi, vừa nói, tay vẫn nắm chặt hai túi vải:

- Không sao. Em xách được. Ở bên, em gánh lúa mỗi ngày cho nhà máy, có sao đâu.

Ông Năm bỗng nghe lòng quặn thắt. Bà tội gì? Tội gì?

Ông Năm nghiêng cái cằm thù trong răng để đừng chữi đồng.

Về đến nhà thì trời đã xâm xẩm tối. Lần này thì chính ông Năm xách hai túi vải, đi trước dẫn đường, lòng vui như mở hội. Đến chân cầu thang, ông nói:

- Ở từng lầu ba lận. Em leo nổi không?

Bà Năm trả lời, giọng vẫn trong trẻo:

- Gì không nổi? Bây giờ em làm cái gì cũng nổi hết.

Rồi bà bước lên cầu thang, bước đều đặn. Ông Năm theo sau, nhìn dáng dấp nhỏ thó với mái tóc bạc hớt bom-bê cao ông bỗng thương vợ vô cùng. Mười năm...

Mái tóc huyền mà ngày xưa hay kéo sát về phía sau để cuốn tròn kẹp gọn một vòng trên ót... bây giờ chỉ còn là như vậy! Cái cổ tròn dẫn xuống bờ vai thon thon của hồi đó... bây giờ gầy nhom như vậy! Mười năm... Chắc bà phải khổ ghê lắm, phải chịu đựng ghê lắm mới ra nông nổi này! Tội nghiệp! Người đàn bà hiền khô và nhát hít đó chưa làm phiền lụy ai bao giờ. Và như vậy suốt mười năm. Lam lũ quá nên bà già trước tuổi, chớ bà cũng còn giữ được cái nhìn, giọng nói và tâm hồn...

Vào nhà, ông Năm bật đèn lên, bà Năm nhìn quanh mỉm cười, không nói. Ông Năm đặt hai túi lên bàn ăn, rồi cũng nhìn quanh:

- Nhà của anh đó. Nhỏ như cái lỗ mũi. Tạm một thời gian rồi mình sẽ kiếm nhà khác rộng hơn.

Bà Năm dịu dàng:

- Như vậy cũng được. Có hai đứa mà gì...

Bỗng nhiên hai người nhìn nhau. Tiếng “hai đứa” nhắc cho họ nhớ tới hoàn cảnh bây giờ, một hoàn cảnh mà từ lúc gặp lại nhau bao nhiêu thống hận dập dồn đã làm họ quên đi: bây giờ “hai đứa” vẫn còn có nhau, thật sự còn có nhau. Rồi sẽ không còn gì chia cách. Rồi sẽ đi bên nhau, đi hết đoạn đường còn lại, một đoạn đường không còn bao nhiêu xa... Bởi vì họ biết: họ đang bước vào mùa thu của cuộc đời... Cho nên họ nhìn nhau mà yêu thương dâng đầy trong mắt.

Bà Năm bước lại cửa sổ. Ngoài xa trên nền trời trắng đục, hiện lên thật rõ cây thánh giá và nóc nhà thờ Sacré Coeur. Bà Năm hỏi:

- Cây thánh giá này đây?

Câu hỏi trống không nhưng hai người cùng hiểu: cây thánh giá mà ông Năm viết đi viết lại không biết bao nhiêu lần trong thư gửi về Việt Nam. Ông bước lại khoác vai vợ, gật gật đầu. Hai người yên lặng nhìn cây thánh giá như đang tạ ơn, giống như đang rước lễ, giống như cô dâu chú rể sau khi được kết hợp thành vợ chồng...

Thời gian bỗng như dừng lại, để hình ảnh trở thành bất diệt, nói lên cái cao cả của tình yêu, cái huyền diệu của niềm tin.... Một lúc lâu sao, bà Năm như sực tỉnh:

- Để em soạn đồ ra.

Rồi bà bước lại bàn mở hai túi vải. Ông Năm đốt điếu thuốc, khói thuốc lảng lảng nhẹ. Ông ngồi cạnh giường nhìn vợ soạn đồ bằng đôi bàn tay xạm nắng với những đường gân nổi lên ngoằn ngoèo. Đôi bàn tay đã từng có ngón tay thon dài khéo léo từ đường kim mũi chỉ... bây giờ là như vậy! Ông thấy thương vợ vô cùng. Bà Năm soạn đồ ra để trên bàn: vài bộ quần áo, mấy cái khăn lông, một cái mền nhỏ... Vừa làm bà vừa nói:

- Có bao nhiêu, em đem theo hết. Nói là đi chánh thức chứ không biết lúc nào tụi nó bắt mình lại. Có nhiều người lên máy bay rồi mà còn bị lôi xuống, không biết vì cớ gì. Rồi khi được thả ra là trắng tay. Bà lấy trong túi ra một khuôn hình, trao cho ông Năm:

- Em đem hình ông già bà già qua để lâu lâu mình thắp một cây nhang.

Ông Năm nhìn hình cha mẹ, lòng bồi hồi xúc động. Hình này, hồi đó, để trên bàn thờ nhà cũ. Nhà bị tịch thu, không hiểu bà làm sao lấy được để mang qua đây? Ông đứng lên nhìn quanh, rồi treo khuôn hình lên cây đinh trên tường đối diện.

Có tiếng bà Năm nói:

- Em có đem qua cho anh chai rượu nếp than nữa. Nhớ hồi đó anh ưa lắm.

Ông quay lại, cầm chai lên mở nút. Chưa đặt miệng chai lên mũi mà mùi rượu ngọt ngào thơm phức tỏa ra thật nồng nàn.. Ông hít một hơi dài, đóng nút lại, rồi nhìn chai rượu mà ứa nước mắt. Nỗi nhớ quê hương nằm sâu trong tiềm thức, bây giờ, mùi rượu nếp than, màu rượu nếp than đã làm bật dậy, vô cùng mãnh liệt. Ông tưởng chừng như vừa hửi thấy mùi thơm quê hương. Có mùi ngọt ngọt của lúa chín, có mùi nồng nồng của rơm của rạ, có mùi hăng hăng của đồng un đốt cạnh chuồng trâu chuồng bò... Ông tưởng chừng như đang giữ trong tay một mảnh trời quen thuộc. Ở đó có màu tím lờn lợt của hoa bằng lăng, có màu tím nâu nâu của vỏ măng cụt, có màu tím học trò của trái mồng tơi, và những tà áo tím phất phơ theo gió qua cầu, với những chiều tím quê ngoại, đứng ngẩn ngơ bên sông Vàm Cỏ khi tuổi vừa mới lớn... Chao ơi! Ngần đó thứ, tưởng quên nhưng vẫn nhớ. Ngần đó thứ bây giờ xa thật xa.. Xa, không phải vì cách biệt, mà xa vì không còn thuộc về mình nữa! Ông Năm cầm chai lắc lắc, bột nếp than tím ngát dợn lên trong lòng chai. Ông mở nút rót thẳng vào miệng một hớp. Chắt rượu béo ngậy ngọt ngào cay cay nhắc ông nhớ những quán nhậu ở Hóc Môn, những món thịt rừng ở Biên Hoà, những con cá mú sữa kho tộ ở Vũng Tàu bãi sau bãi trước... Ông ngậm lấy hớp rượu để nghe rõ chất rượu đang thấm vào nướu răng, đang thấm vào các thớ thịt cổ, đang thấm lên nóc giọng, đang nồng lên mũi. Ôi! Mùi vị quê hương là đây... ông không cảm được nước mắt!

Bà Năm vẫn âm thầm soạn đồ đạc. Bà hiểu ông Năm lắm và nghe thương chồng vô cùng. Tội nghiệp! Mười năm xa quê hương... Ông Năm vào phòng tắm rửa mặt rồi ra chỉ chỗ cho vợ xếp quần áo. Xong ông bảo:

- Anh đã làm sẵn mấy món ăn cho hai đứa. Để anh đem ra hâm. Em đặt bàn đi. Đồ đạc trong tủ búp phê đó.

Bà Năm nghi ngờ:

- Anh mà làm bếp cái nổi gì? Mua ở tiệm thì có.

Ông Năm cười sáng khoái:

- Em làm rồi! Bây giờ, anh làm cái gì cũng được hết. Nấu bếp, giặt đồ, làm ménage ... đủ thứ. Rồi em coi! À... đặt bàn em nhớ để một đĩa sâu cho món súp légume và một đĩa trệt cho món gà nấu rượu, nghe! Bà Năm mỉm cười, thấy chồng sung sướng mà lòng cũng thành thang trái rộng.

Một lúc sau, hai vợ chồng ngồi vào bàn ăn. Trên bàn cũng có hai cây nến. Cũng khăn trải bàn trắng phau, cũng khăn ăn màu xạm lợt, cũng đĩa trắng chạy chỉ vàng, cũng nĩa dao cán gỗ có nét vẽ cong cong nhẹ nhàng. Và không quên hai ly rượu có chân, đựng chút rượu nếp than có màu tím đậm đà và hương thơm mời mọc. Ông vui vẻ:

- Như vậy mới đúng là nuit de nocces chứ, phải không em?

Bà Năm nhìn chồng không nói, nhưng vành tai bỗng đỏ bừng. Bà nói lảng:

- Súp ngon chứ! Anh học nấu ở đâu vậy?

Ông để ngón tay trở lên môi, vẻ bí mật:

- Hùm... Không nói đâu! Ông Tiên người Tàu chuyên nấu đồ Tây chỉ đó, dặn anh đừng nói cho ai biết!

Rồi cả hai cùng cười vì hình ảnh ngộ nghĩnh đó, cái cười hồn nhiên tìm lại sau mười năm xa nhau...già

Bữa ăn kéo dài bằng những chuyện kể cho nhau nghe, nhớ đâu kể đó, không mạch lạc đầu đuôi, bởi vì trong thời gian mười năm có biết bao nhiêu sự việc đã xảy ra làm sao mà nhớ cặn kẽ cái nào sau cái nào trước!

Dọn dẹp xong thì trời đã khuya. Hai vợ chồng chia nhau, bà nằm trên giường, ông nằm trên nệm dưới đất. Tắt đèn đã lâu mà hai người vẫn còn trần trọc. Làm như còn thèm nói chuyện với nhau nữa! Bóng tối dày đặc vây quanh. Không khí trong nhà êm êm mát mát. Mùi rượu nếp than và mùi thuốc lá Dunhill còn phản phát thơm thơm. Bỗng bà Năm nghe một bàn tay của chồng đặt lên mình mình. Toàn thân bà run lên nhè nhẹ. Hơi thở của bà bỗng trở nên phập phồng. Một cảm giác dường như thật cũ, mà cũng dường như thật mới, dịu dịu ngây ngây... Bà không biết nữa! Rồi, không tự chủ được, bà cầm bàn tay chồng áp lên má, lên mũi, lên môi. Bàn tay này tưởng đã vĩnh viễn không còn nhìn thấy, cầm lấy. Da thịt này tưởng đã vĩnh viễn không còn đụng chạm sờ mó được. Mười năm... Mười năm... Nước mắt bỗng chảy dài xuống hai bên tai, bà Năm thốt lên nho nhỏ: “Mình!” Chỉ có một âm đơn độc, nhưng sao tiếng “mình” nói lên thật nhiều, diễn tả thật nhiều. Tiếng “mình” mà mười năm nay ông Năm không còn nghe. Tiếng “mình” gọi lên tình nghĩa vợ chồng, nỗi niềm chia xẻ. Tiếng “mình” cũng là tiếng nói của yêu đương, của hài hoà sum họp. Và tiếng “mình” ở đây, trong hoàn cảnh này, sao nghe thật mời mọc dâng hiến...

Người đàn bà mười năm khổ hận đó, vợ ông, cần được yêu thương thật nhiều để bù lại. Tiếng “mình” gọi nhỏ trong đêm bỗng nghe tiếp nối... Bỗng hồi xúc động, ông Năm chồm lên ôm lấy vợ, hôn tràn lên tóc, lên má, lên môi. Ông nghe trong tay, thân xác gầy còm của vợ run lên như đang cơn sốt. Và tai ông còn nghe những tiếng “mình” đứt quãng ú ớ như tiếng nói trong chiêm bao...

Cuộc tình của tuổi vào thu âm thầm như lá rụng bên ngoài nhưng cũng nồng nàn ngọt lịm như hớp rượu nếp than cùng chia nhau khi nãy. Có mùa chớm thu nào mà không thấy còn sót lại vài tia nắng hạ?

Tôi muốn câu chuyện này chấm dứt ở đây cho cuộc tình được đẹp như bài thơ, được vuông tròn như trong tiểu thuyết. Nhưng trên thật tế không phải như vậy. Bởi vì... một tháng sau đó, bà Năm ngã bệnh, phải vào nằm nhà thương. Bà bị ung thư phổi, ở thời kỳ chót. Bà đã giấu ông Năm lâu nay.

Ông Năm đã ngồi bên giường vợ suốt thời gian cuối cùng. Ông đã cầm bàn tay còn mang tỳ vết của mười năm gian khổ. Ông đã ôm gương mặt phong trần chưa kịp đổi hồng sau mấy tuần sống đầy hạnh phúc. Và cuối cùng, ông đã chải lại mái tóc bạc chưa kịp dài để được cuốn tròn kẹp lên sau ót, như ngày xưa... Ông đã gục lên thân xác gầy khô, khóc với tất cả nước mắt còn lại.

Mùa thu đó, lá rụng thật nhiều.

Tiểu Tử